

Số: 560/QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày 13 tháng 10 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh  
trình độ đại học, hệ chính quy, khóa đào tạo 2017-2021**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định “Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-ĐHPY, ngày 31/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học, cao đẳng và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Khoa Ngoại ngữ Trường Đại học Phú Yên;

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành **Ngôn ngữ Anh (mã số 52220201)** trình độ đại học hệ chính quy, khoá đào tạo 2017-2021.

**Điều 2.** Căn cứ chương trình này, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *Đề cương chi tiết học phần* để sử dụng chính thức trong giảng dạy. Chương trình này được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

**Điều 3.** Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Khoa Ngoại ngữ, các phòng, ban, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.



## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Tên chương trình: NGÔN NGỮ ANH (Chuyên ngành Biên phiên dịch)**

**Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC**

**Ngành đào tạo: NGÔN NGỮ ANH (English Linguistics)**

**Mã số: 52220201 Loại hình đào tạo: HỆ CHÍNH QUY**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 560/QĐ-ĐHPY ngày 13 tháng 10 năm 2017  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)*

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung:**

Chương trình nhằm đào tạo cử nhân Ngôn Ngữ Anh, chuyên ngành Biên phiên dịch có đầy đủ phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có khả năng giải quyết tốt các công việc thuộc ngành nghề chuyên môn, đáp ứng yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Chương trình giáo dục đại học ngành Ngôn Ngữ Anh, chuyên ngành Biên phiên dịch cung cấp cho sinh viên kiến thức về hệ thống ngôn ngữ Tiếng Anh, văn hóa, văn học của các nước nói Tiếng Anh có so sánh đối chiếu với văn hóa văn học Việt Nam; rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ; kỹ năng biên phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh; đồng thời giúp sinh viên biết khai thác các tiện ích của công nghệ thông tin để phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu và nghề nghiệp khi ra trường.

Chương trình trang bị những kỹ năng mềm khác như: kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng thương lượng, kỹ năng thuyết trình nhằm phục vụ cho yêu cầu công việc.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể:**

Sau khi học xong chương trình, sinh viên có khả năng:

##### **1.2.1. Về kiến thức:**

- Hiểu biết về những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và Pháp luật Việt Nam.

- Vận dụng hiệu quả kiến thức về ngôn ngữ và các hệ thống, kỹ năng ngôn ngữ Tiếng Anh, văn hóa, văn học của các nước nói Tiếng Anh có đối sánh với văn hóa, văn học Việt Nam để thể hiện năng lực chuyên môn và giải quyết các vấn đề liên quan trong công việc.

- Vận dụng thành thạo các kiến thức lý thuyết, kỹ thuật biên phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh để thực hiện công tác biên phiên dịch trong các lĩnh vực: Dịch vụ Du lịch-Lữ hành, Dịch vụ Nhà hàng-Khách sạn, Tiếp thị, Quảng cáo, Thương mại, Báo chí và một số lĩnh vực khác.

- Hiểu biết về môi trường sống và làm việc trong thời kỳ hội nhập, toàn cầu hoá; về việc áp dụng công nghệ thông tin phục vụ cho nghề nghiệp; về các yêu cầu và năng lực cần đạt đối với người làm công tác biên phiên dịch.

##### **1.2.2. Về kỹ năng**

- Sử dụng các kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh một cách lưu loát, chính xác dựa trên hệ thống kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ Tiếng Anh và mối quan hệ mật thiết giữa ngôn ngữ và văn

hóa nhằm giúp người học khám phá và nâng cao sự hiểu biết về văn hóa của các nước nói tiếng Anh, qua đó người học hiểu biết sâu sắc hơn về văn hóa Việt Nam.

- Nghiên cứu, phát hiện và hệ thống hóa những hiện tượng tương đồng, khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa của các nước nói Tiếng Anh với ngôn ngữ, văn hóa Việt Nam từ đó đề xuất những biện pháp, thủ thuật hiệu quả trong công tác dịch thuật.

- Thực hiện hoạt động biên phiên dịch linh hoạt và hiệu quả theo yêu cầu của công việc.

- Sử dụng thành thạo các phương tiện và công nghệ hiện đại để phục vụ cho công tác biên phiên dịch.

- Áp dụng được các kỹ năng mềm như: kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng thương lượng, kỹ năng thuyết trình để tổ chức và thực hiện các hoạt động biên phiên dịch, thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp.

### 1.2.3. Về thái độ

- Thể hiện đạo đức, lối sống chuẩn mực; ý thức tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; ý thức trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật.

- Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, trung thực trong việc chuyển tải thông tin, đảm bảo bí mật thông tin của khách hàng khi thực hiện nhiệm vụ biên phiên dịch.

- Thể hiện tinh thần đoàn kết, tương trợ đồng nghiệp, hòa nhập và thích nghi tốt với môi trường làm việc và xã hội, ý thức tham gia hoạt động chính trị xã hội, đoàn thể.

- Yêu nghề, tận tâm với nghề nghiệp và nhiệm vụ được giao.

### 1.2.4. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

- Làm công tác biên phiên dịch, hành chính trong các tổ chức, đơn vị có sử dụng tiếng Anh.

- Tham gia giảng dạy nếu được bồi dưỡng NVSP theo quy định của Bộ GD-ĐT.

### 1.2.5. Trình độ ngoại ngữ, tin học:

- Đạt chuẩn Tiếng Anh bậc 5 và Tiếng Pháp bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT; sử dụng thành thạo các phần mềm tin học trong soạn thảo văn bản, xử lý số liệu; khai thác hiệu quả các phần mềm chuyên ngành, Internet phục vụ cho công việc.

### 1.2.6. Khả năng học tập nâng cao

- Tự học tập, bồi dưỡng để phát triển kiến thức về kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí công tác.

- Đủ điều kiện để học tập ở các trình độ cao hơn.

## 2. Thời gian đào tạo: 4 năm.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 134 tín chỉ** (chưa tính học phần Giáo dục thể chất 3 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng - an ninh 8 tín chỉ).

STT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương (chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-an ninh)	39	37	2
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	95	68	27
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	58	50	8
2.2	Kiến thức ngành Biên phiên dịch	23	11	12

2.3	Thực tập, thực tế	7	7	0
2.4	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	7	0	7
<b>Tổng cộng</b>		<b>134</b>	<b>105</b>	<b>29</b>

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; Các quy định khác theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 397/QĐ-ĐHPY, ngày 03/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Tích lũy đủ số tín chỉ theo chương trình đào tạo đã được thiết kế (chưa kể Giáo dục thể chất 3 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng - an ninh 8 tín chỉ).

**6. Thang điểm:** Thực hiện theo Quyết định số 397/QĐ-ĐHPY ngày 03/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành quy chế học vụ trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

#### 7. Nội dung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Điều kiện tiên quyết (Theo số Thứ tự HP)
				LT	BT	TH	TT	
<b>7.1.</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>39</b>	<b>450</b>	<b>100</b>	<b>70</b>	<b>90 giờ</b>	
<b>7.1.1</b>	<b>Lý luận chính trị</b>		<b>10</b>	<b>150</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	LC110012	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1	2	30	0	0	0	
2	LC110113	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 2	3	45	0	0	0	1
3	LC120012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	2
4	LC120113	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	45	0	0	0	3
<b>7.1.2</b>	<b>Khoa học xã hội-nhân văn</b>		<b>14</b>	<b>155</b>	<b>40</b>	<b>30</b>	<b>90 giờ</b>	
	<b>- Bắt buộc:</b>		<b>12</b>	<b>135</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>90 giờ</b>	
5	LC130012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	1
6	NG113562	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	0	0	0	
7	LC130122	Soạn thảo văn bản	2	20	10	0	0	5
8	XH113152	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	20	10	0	0	
9	XH113032	Tiếng Việt thực hành	2	20	10	0	0	
10	NG113692	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm Biên phiên dịch	2	0	0	0	90 giờ	
	<b>Tự chọn:</b>		<b>2</b>	<b>20</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
11	XH120052	Lịch sử văn minh thế giới	2	20	10	0	0	
	XH140012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	20	10	0	0	
<b>7.1.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>12</b>	<b>120</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
12	NG120043	Tiếng Pháp 1 (A 1)	3	30	15	0	0	
13	NG120053	Tiếng Pháp 2 (A 2)	3	30	15	0	0	12
14	NG120063	Tiếng Pháp 3 (B1.1)	3	30	15	0	0	13
15	NG120073	Tiếng Pháp 4 (B1.2)	3	30	15	0	0	14
<b>7.1.4</b>	<b>Tin học</b>		<b>3</b>	<b>25</b>	<b>0</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	
16	KC100013	Tin học đại cương	3	25	0	40	0	
<b>7.1.5</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>		<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	

17	TC150011	Giáo dục Thể chất 1	1	0	0	30	0		
18	TC151011	Giáo dục Thể chất 2	1	0	0	30	0	17	
19	TC152011	Giáo dục Thể chất 3	1	0	0	30	0	18	
<b>7.1.6 Giáo dục Quốc phòng-an ninh</b>									
20	TC160018	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8 tín chỉ = 165 tiết						
<b>7.2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>95</b>	<b>790</b>	<b>420</b>	<b>220</b>	<b>315 giờ</b>		
<b>7.2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>58</b>	<b>490</b>	<b>290</b>	<b>180</b>	<b>0</b>		
<b>7.2.1.1</b>	<b>Kiến thức Hệ thống ngôn ngữ và Văn hóa- Văn học</b>		<b>22</b>	<b>220</b>	<b>110</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	<b>- Bắt buộc</b>		<b>14</b>	<b>140</b>	<b>70</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
21	NG111012	Luyện âm	2	20	10	0	0		
22	NG111022	Ngữ âm-Âm vị học	2	20	10	0	0		
23	NG111212	Ngữ pháp 1	2	20	10	0	0		
24	NG111222	Ngữ pháp 2	2	20	10	0	0		
25	NG111052	Ngữ nghĩa học	2	20	10	0	0		
26	NG111072	Hình thái học	2	20	10	0	0		
27	NG111062	Cú pháp học	2	20	10	0	0		
	<b>Tự chọn</b>		<b>8</b>	<b>80</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
28	NG112162	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	20	10	0	0		
	NG111112	Ngôn ngữ - Xã hội học	2	20	10	0	0		
29	NG112182	Văn hóa của các nước nói Tiếng Anh	2	20	10	0	0		
	NG112152	Giao thoa văn hóa	2	20	10	0	0		
30	NG112132	Đất nước học Anh	2	20	10	0	0		
	NG112142	Đất nước học Mỹ	2	20	10	0	0		
31	NG112112	Văn học Anh	2	20	10	0	0		
	NG112122	Văn học Mỹ	2	20	10	0	0		
<b>7.2.1.2</b>	<b>Kiến thức Kỹ năng ngôn ngữ</b>		<b>36</b>	<b>270</b>	<b>180</b>	<b>180</b>	<b>0</b>		
	<b>Bắt buộc</b>		<b>36</b>	<b>270</b>	<b>180</b>	<b>180</b>	<b>0</b>		
32	NG113464	Tiếng Anh Tổng hợp B1.1	4	30	20	20	0		
33	NG113474	Tiếng Anh Tổng hợp B1.2	4	30	20	20	0		
34	NG113484	Tiếng Anh Tổng hợp B1.3	4	30	20	20	0		
35	NG113494	Tiếng Anh Tổng hợp B2.1	4	30	20	20	0		
36	NG113504	Tiếng Anh Tổng hợp B2.2	4	30	20	20	0		
37	NG113514	Tiếng Anh Tổng hợp B2.3	4	30	20	20	0		
38	NG113524	Tiếng Anh Tổng hợp C1.1	4	30	20	20	0		
39	NG113534	Tiếng Anh Tổng hợp C1.2	4	30	20	20	0		
40	NG113544	Tiếng Anh Tổng hợp C1.3	4	30	20	20	0		
<b>7.2.2</b>	<b>Kiến thức ngành-Biên phiên dịch</b>		<b>23</b>	<b>230</b>	<b>95</b>	<b>40</b>	<b>0</b>		
	<b>Bắt buộc</b>		<b>11</b>	<b>110</b>	<b>55</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
41	NG113692	Lý thuyết dịch	2	20	10	0	0		
42	NG113663	Kỹ thuật dịch	3	30	15	0	0		
43	NG113673	Kỹ năng biên dịch	3	30	15	0	0		
44	NG113683	Kỹ năng phiên dịch	3	30	15	0	0		
	<b>Tự chọn</b>		<b>12</b>	<b>120</b>	<b>40</b>	<b>40</b>	<b>0</b>		
45	NG113573	Biên phiên dịch Tiếng Anh Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	3	30	10	10	0		
	NG113583	Biên phiên dịch Tiếng Anh Văn hóa-Du lịch	3	30	10	10	0		
46	NG113593	Biên phiên dịch Tiếng Anh Giao tiếp xã hội	3	30	10	10	0		
	NG113613	Biên phiên dịch Tiếng Anh Chăm sóc khách	3	30	10	10	0		

		hàng						
47	NG113623	Biên phiên dịch Tiếng Anh Tiếp thị-Quảng cáo	3	30	10	10	0	
	NG113633	Biên phiên dịch Tiếng Anh Thương mại	3	30	10	10	0	
48	NG113643	Biên phiên dịch Tiếng Anh Nuôi trồng Thủy-Hải sản	3	30	10	10	0	
	NG113653	Biên phiên dịch Tiếng Anh Thực phẩm	3	30	10	10	0	
<b>7.2.3 Thực tế - Thực tập tốt nghiệp</b>			<b>7</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
49	DT100017	Thực tập tốt nghiệp (10 tuần)	7	0	0	0	315 giờ	
<b>7.2.4 Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế</b>			<b>7</b>					
	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>7</b>					
50	<b>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>7</b>					
	<b>- Tự chọn</b>		<b>7</b>	<b>70</b>	<b>35</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
50a	NG111103	Phân tích điển ngôn	3	30	15	0	0	25
	NG111083	Ngữ dụng học						
50b	NG113682	Kỹ năng phỏng vấn cho các vị trí biên phiên dịch	2	20	10	0	0	
	NG113402	Kỹ năng thuyết trình						
50c	NG113662	Biên phiên dịch Tiếng Anh Hội nghị	2	20	10	0	0	
	NG113672	Biên phiên dịch Tiếng Anh Báo chí						
<b>Tổng cộng</b>			<b>134</b>	<b>1240</b>	<b>520</b>	<b>290</b>	<b>405 giờ</b>	

*Ghi chú: Điều kiện tiên quyết thực hiện theo quy định của Trường Đại học Phú Yên.*

## 8. Kế hoạch giảng dạy

### 8.1. Học kỳ I: 17 TC (Bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
1	LC110012	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1	2	30	0	0	0	
2	NG120043	Tiếng Pháp 1 (A1)	3	30	15	0	0	
4	XH113032	Tiếng Việt thực hành	2	20	10	0	0	
5	XH113152	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	30	00	0	0	
6	TC150011	Giáo dục thể chất 1	1	0	0	30	0	
7	NG111012	Luyện âm	2	20	10	0	0	
8	NG111212	Ngữ pháp 1	2	20	10	0	0	
9	NG113464	Tiếng Anh Tổng hợp B1.1	4	30	20	20	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>17</b>	<b>180</b>	<b>65</b>	<b>50</b>	<b>0</b>	

### 8.2. Học kỳ II: 19 TC (Bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
1	LC110113	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 2	3	45	0	0	0	
2	KC100013	Tin học đại cương	3	15	10	40	0	
3	NG120053	Tiếng Pháp 2 (A2)	3	30	15	0	0	
4	TC151011	Giáo dục thể chất 2	1	0	0	30	0	
5	NG111222	Ngữ pháp 2	2	20	10	0	0	
6	NG111022	Ngữ âm-Âm vị học	2	20	10	0	0	
7	NG113474	Tiếng Anh Tổng hợp B1.2	4	30	20	20	0	
8	NG113692	Lý thuyết dịch	2	20	10	0	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>19</b>	<b>180</b>	<b>75</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	

**8.3. Học kỳ III: 16 TC (Bắt buộc: 14 TC, tự chọn: 2 TC)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
<b>- Bắt buộc</b>			<b>14</b>	<b>150</b>	<b>50</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	
1	LC120012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	
2	LC130012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	
3	NG120063	Tiếng Pháp 3 (B1.1)	3	30	15	0	0	
4	TC152011	Giáo dục thể chất 3	1	0	0	30	0	
5	NG113484	Tiếng Anh Tổng hợp B1.3	4	30	20	20	0	
6	NG113663	Kỹ thuật dịch	3	30	15	0	0	
<b>- Tự chọn (Chọn 2/4 TC)</b>			<b>2</b>	<b>20</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
7	XH120052	Lịch sử văn minh thế giới	2	20	10	0	0	
	XH140012	Cơ sở văn hóa Việt Nam						
<b>Tổng cộng</b>			<b>16</b>	<b>170</b>	<b>60</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	

**8.4. Học kỳ IV: 17 TC (Bắt buộc; 15 TC, tự chọn: 2 TC)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
<b>- Bắt buộc</b>			<b>15</b>	<b>155</b>	<b>60</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	
1	LC120113	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	45	0	0	0	
2	NG120073	Tiếng Pháp 4 (B1.2)	3	30	15	0	0	
3	NG113673	Kỹ năng biên dịch	3	30	15	0	0	
4	TC160018	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	8 tín chỉ = 165 tiết				
5	NG111072	Hình thái học	2	20	10	0	0	
6	NG113494	Tiếng Anh Tổng hợp B2.1	4	30	20	20	0	
<b>- Tự chọn (Chọn 2/4 TC)</b>			<b>2</b>	<b>20</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
7	NG112132	Đất nước học Anh	2	20	10	0	0	
	NG112142	Đất nước học Mỹ						
<b>Tổng cộng</b>			<b>17</b>	<b>175</b>	<b>70</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	

**8.5. Học kỳ V: 17 TC (Bắt buộc: 15 TC, tự chọn: 2 TC)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi Chú
				LT	BT	TH	TT	
<b>- Bắt buộc:</b>			<b>15</b>	<b>130</b>	<b>75</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	
1	NG111052	Ngữ nghĩa học	2	20	10	0	0	
2	NG111062	Cú pháp học	2	20	10	0	0	
3	NG113504	Tiếng Anh Tổng hợp B2.2	4	30	20	20	0	
4	NG113514	Tiếng Anh Tổng hợp B2.3	4	30	20	20	0	
5	NG113683	Kỹ năng phiên dịch	3	30	15	0	0	
<b>- Tự chọn (Chọn 2/4TC)</b>			<b>2</b>	<b>20</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
6	NG112112	Văn học Anh	2	20	10	0	0	
	NG112122	Văn học Mỹ						
<b>Tổng cộng</b>			<b>17</b>	<b>150</b>	<b>85</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	

**8.6. Học kỳ VI: 16 TC (Bắt buộc: 6 TC, tự chọn: 10 TC)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
<b>- Bắt buộc:</b>			<b>6</b>	<b>45</b>	<b>20</b>	<b>50</b>	<b>90 giờ</b>	
1	NG113524	Tiếng Anh Tổng hợp C1.1	4	30	20	20	0	
2	NG113692	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm Biên phiên dịch	2	0	0	0	90 giờ	
<b>- Tự chọn (Chọn 10/20TC)</b>			<b>10</b>	<b>100</b>	<b>40</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	
3	NG113573	Biên phiên dịch Tiếng Anh Dịch vụ Du lịch và Lễ hành	3	30	10	10	0	
	NG113583	Biên phiên dịch Tiếng Anh Văn hóa -Du lịch						
4	NG113593	Biên phiên dịch Tiếng Anh Giao tiếp xã hội	3	30	10	10	0	
	NG113613	Biên phiên dịch Tiếng Anh trong lĩnh vực chăm sóc khách hàng						
5	NG112162	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	20	10	0	0	
	NG111112	Ngôn ngữ - Xã hội học						
6	NG112182	Văn hóa của các nước nói Tiếng Anh	2	20	10	0	0	
	NG112152	Giao thoa văn hóa						
<b>Tổng cộng</b>			<b>16</b>	<b>145</b>	<b>60</b>	<b>70</b>	<b>90 giờ</b>	

**8.7. Học kỳ VII: 14 TC (bắt buộc: 8 TC, tự chọn: 6 TC)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
<b>- Bắt buộc</b>			<b>8</b>	<b>80</b>	<b>30</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	
1	LC130122	Soạn thảo văn bản	2	20	10	0	0	
3	NG113562	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	0	0	0	
4	NG113534	Tiếng Anh Tổng hợp C1.2	4	30	20	20	0	
<b>- Tự chọn (Chọn 6/12TC)</b>			<b>6</b>	<b>60</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	
5	NG113623	Biên phiên dịch Tiếng Anh Tiếp thị-Quảng cáo	3	30	10	10	0	Chọn 3/6 TC
	NG113633	Biên phiên dịch Tiếng Anh Thương mại						
6	NG113643	Biên phiên dịch Tiếng Anh Nuôi trồng Thủy-Hải sản	3	30	10	10	0	Chọn 3/6 TC
	NG113653	Biên phiên dịch Tiếng Anh Thực phẩm						
<b>Tổng cộng</b>			<b>14</b>	<b>140</b>	<b>50</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	

**8.8. Học kỳ VIII: 18 TC (Bắt buộc: 7 TC, tự chọn: 11 TC)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
<b>- Bắt buộc</b>			<b>11</b>	<b>30</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>315 giờ</b>	
1	DT100017	Thực tập tốt nghiệp	7	0	0	0	315 giờ	10 tuần
2	NG113544	Tiếng Anh Tổng hợp C1.3	4	30	20	20	0	
3	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>		7					
4	<b>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		7	<b>60</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	
<b>- Tự chọn (Chọn 7/14TC)</b>			<b>7</b>	<b>60</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	
4a	NG111103	Phân tích diễn ngôn	3	30	15	0	0	Chọn 3/6 TC
	NG111083	Ngữ dụng học						
4b	NG113682	Kỹ năng phỏng vấn cho các vị trí biên phiên dịch	2	20	10	0	0	Chọn 2/4 TC



	NG113402	Kỹ năng thuyết trình						
4c	NG113662	Biên phiên dịch Tiếng Anh Hội nghị	2	20	10	0	0	Chọn 2/4 TC
	NG113672	Biên phiên dịch Tiếng Anh Báo chí						
<b>Tổng cộng</b>			<b>18</b>	<b>90</b>	<b>50</b>	<b>50</b>	<b>315 giờ</b>	

## **9. Mô tả văn tắt nội dung học phần**

### **9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 1**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần với những tri thức khái quát về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Học phần có những nội dung cơ bản sau:

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng: Vật chất – ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; phép biện chứng và phép biện chứng duy vật; các nguyên lý cơ bản, các phạm trù và quy luật của phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức.

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử: Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng; tồn tại xã hội và ý thức xã hội; hình thái kinh tế - xã hội; đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội; quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân.

### **9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 2**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1.

Học phần với những tri thức khái quát về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Học phần có những nội dung cơ bản sau:

Những kiến thức cơ bản về kinh tế - chính trị học Mác – Lênin: Học thuyết giá trị và giá trị thặng dư; học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

### **9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2.

Học phần khái quát những kiến thức cơ bản và có hệ thống về:

Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; về Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. Đặc biệt nhấn mạnh sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng và Nhà nước ta trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, nhất là trong thời kỳ đổi mới đất nước hiện nay.

### **9.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần khái quát những kiến thức cơ bản và có hệ thống về:

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Đường lối của Đảng về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Đường lối của Đảng về tiến hành Cách mạng xã hội chủ nghĩa bao gồm: đường lối về công nghiệp hóa, về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về xây dựng

hệ thống chính trị, về xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội, về đối ngoại; trong đó tập trung chủ yếu vào đường lối xây dựng đất nước thời kỳ đổi mới.

### **9.5. Pháp luật đại cương**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, các kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật. Các vấn đề về Nhà nước và pháp luật Việt Nam như: tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; về kết cấu, cách xây dựng và áp dụng quy phạm pháp luật ở Việt Nam; về một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Học phần này làm cơ sở lý luận cho sinh viên tiếp cận các học phần về Quản lý nhà trường; Soạn thảo văn bản; các học phần pháp luật chuyên ngành.

### **9.6. Soạn thảo văn bản**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quy trình, thể thức, kỹ thuật trình bày trong soạn thảo văn bản hành chính và hoạt động quản lý văn bản hành chính. Sinh viên vận dụng được các quy định pháp luật về soạn thảo văn bản và kiến thức xã hội liên quan đến hoạt động soạn thảo văn bản hành chính để soạn thảo được một số văn bản hành chính thông dụng.

### **9.7. Dẫn luận ngôn ngữ học**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về ngôn ngữ và ngôn ngữ học: Bản chất và chức năng của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ theo nguồn gốc và loại hình, hệ thống-cấu trúc ngôn ngữ... Đồng thời cũng cung cấp cho SV những hiểu biết cơ bản về các phân ngành của ngôn ngữ học: Ngữ âm học, ngữ pháp học và ngữ nghĩa học.

### **9.8. Phương pháp nghiên cứu khoa học**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học (NCKH); phương pháp NCKH; các thao tác NCKH; các giai đoạn tiến hành đề tài NCKH; hình thức và cấu trúc của luận văn khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng NCKH vào việc học tập và nghiên cứu chuyên ngành ngôn ngữ Anh ở đại học.

### **9.9. Tiếng Việt thực hành**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị kiến thức cơ bản về tiếng Việt: chính tả, từ vựng-ngữ nghĩa, ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ (phong cách ngôn ngữ hành chính, ngôn ngữ khoa học, văn bản nghị luận...). Đồng thời luyện kỹ năng chữa lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu và lỗi về nội dung, hình thức trình bày văn bản tiếng Việt. Ngoài ra, học phần này còn luyện kỹ năng chữa những loại lỗi thường mắc phải về từ, câu do hiện tượng giao thoa ngôn ngữ khi dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.

### **9.10. Cơ sở văn hóa Việt Nam**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về văn hóa học và văn hóa Việt Nam: đặc trưng, chức năng, cấu trúc của văn hóa; định vị văn hóa Việt Nam. Nội dung các thành tố của văn hóa Việt Nam: Văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức cộng đồng, đời sống tập thể; văn hóa tổ chức cộng đồng, đời sống cá nhân; văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên; văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.

### **9.11. Lịch sử văn minh thế giới**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Nội dung môn học gồm những kiến thức cơ bản và hệ thống về sự phát triển của văn minh nhân loại (qua những nền văn minh tiêu biểu ở phương Đông như nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa và ở phương Tây như nền văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại); về bước chuyển sang nền văn minh công nghiệp và văn minh hậu công nghiệp; những nguyên tắc và mối tương quan giữa hội nhập văn minh thế giới và giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

### **9.12. Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm Biên phiên dịch**

**2 TC**

Học phần cung cấp các kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển phẩm chất nhân cách, năng lực chung và năng lực đặc thù của ngành Biên phiên dịch. Kết thúc học phần, sinh viên phát triển các kỹ năng mềm cơ bản như kỹ năng sống, giao tiếp, lãnh đạo, làm việc nhóm...; tích lũy kinh nghiệm riêng cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân để phục vụ cho việc sử dụng Tiếng Anh chuyên nghiệp.

Sinh viên có thể lựa chọn 1 trong 2 hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm như sau:

#### **- Tại Việt Nam**

Giao lưu học tập với các giảng viên, sinh viên Tiếng Anh của các trường đại học nhằm trao đổi kinh nghiệm học tập, nghiên cứu; tổ chức cho sinh viên cơ hội tiếp cận các tổ chức, ngành nghề có liên quan đến nghiệp vụ biên phiên dịch trong các lĩnh vực như dịch vụ du lịch, du lịch lữ hành, du lịch văn hóa, giao dịch thương mại, chăm sóc khách hàng,...

Học phần cung cấp các hoạt động trải nghiệm và tìm hiểu các nét văn hóa, di tích, lịch sử, danh lam thắng cảnh,... ở địa phương và các tỉnh lân cận.

#### **- Tại một trường đại học ở nước ngoài**

Tham quan thực tế tại một trường đại học ở nước ngoài với các nội dung: học tập các chuyên đề, tham quan các cơ sở học thuật trong và ngoài trường, dự giờ và giao lưu văn hóa nhằm trao đổi kinh nghiệm học tập và thực hành ngôn ngữ.

Học phần còn tổ chức cho sinh viên tham quan những điểm du lịch ở nước ngoài nhằm giúp sinh viên có được những hiểu biết, trải nghiệm thực tiễn để bổ sung, hỗ trợ và phục vụ cho công việc khi ra trường.

### **9.13. Tiếng Pháp 1 (A1)**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ sơ cấp (bậc 1). Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường ngày; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể: có thể tự giới thiệu về mình và giới thiệu người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè, mua sắm, hỏi và chỉ đường, giới thiệu và hiểu được những thông tin về du lịch v.v... Qua đó, sinh viên có thể giới thiệu về bản thân mình, mô tả về công việc hàng ngày thông qua một số tình huống giao tiếp thông thường.

### **9.14. Tiếng Pháp 2 (A2)**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Pháp 1 (A1)

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ sơ cấp (bậc 2). Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể hiểu được các câu và các cấu trúc được sử dụng thường

xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như thông tin về giải trí, sở thích, những sự kiện và thói quen hàng ngày trong quá khứ, dự định trong tương lai,...). Qua đó, sinh viên có thể mô tả được công việc mình đã làm và sẽ làm trong tương lai thông qua một số tình huống giao tiếp thông thường. Sinh viên có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hàng ngày; mô tả bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

### **9.15. Tiếng Pháp 3 (B1.1)**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Pháp 2 (A2)

Học phần Tiếng Pháp 3 tiếp tục cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng, đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ trung cấp (bậc 3). Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm của mình; có thể hiểu các chỉ dẫn chi tiết (ví dụ như các hướng dẫn về giao thông); có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, giải thích vấn đề nảy sinh; có thể tham gia đàm thoại về các chủ đề quen thuộc, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích cá nhân, học tập, công việc hoặc cuộc sống hàng ngày; có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản liên quan trực tiếp, giải quyết những điểm được cho là quan trọng.

### **9.16. Tiếng Pháp 4 (B1.2)**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Pháp 3 (B1.1)

Học phần Tiếng Pháp 4 tiếp tục cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng, đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ trung cấp (bậc 3). Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v...; có khả năng tự biểu đạt ý tưởng của mình; có thể trình bày ý kiến về các chủ đề văn hóa như phim ảnh, sách báo, âm nhạc; có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm.

Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và phát triển vốn từ vựng liên quan đến lĩnh vực du lịch-khách sạn-nhà hàng nhằm giúp sinh viên có khả năng sử dụng trong các tình huống giao tiếp hoặc trong nghề nghiệp tương lai.

Kết thúc học phần, sinh viên đạt trình độ tiếng Pháp tương đương trình độ trung cấp Bậc 3 hoặc Cấp độ B1.

### **9.17. Tin học đại cương**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm các phần:

- Những hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản: máy tính và mạng máy tính, các ứng dụng của công nghệ thông tin và truyền thông, các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính.

- Cách sử dụng máy tính cơ bản: các hiểu biết cơ bản để bắt đầu làm việc với máy tính, làm việc với Hệ điều hành, quản lý thư mục và tệp, một số phần mềm tiện ích, sử dụng tiếng Việt, sử dụng máy in.

- Sử dụng Internet cơ bản: giới thiệu mạng máy tính, mạng Internet, một số công cụ tìm kiếm, trình duyệt web, thư điện tử.

- Soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft Word; trình bày báo cáo, giáo án trình chiếu trên máy chiếu bằng phần mềm Microsoft Powerpoint; nhập liệu và thao tác với bảng

tính điện tử, sử dụng các phép toán và các hàm để xử lý số liệu và vẽ đồ thị bằng phần mềm Microsoft Excel.

**9.18. Giáo dục Thể chất** **3 TC**

**9.19.1. Giáo dục thể chất 1:** **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống các động tác của bài thể dục phát triển chung, bài thể dục nhào lộn, các tư thế đúng của cơ thể nhằm giúp cho sinh viên rèn luyện sức khỏe tốt, phát triển các tố chất thể lực; trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, lợi ích, tác dụng, nguyên lý kỹ thuật chạy cự li ngắn và luật thi đấu.

**9.18.2. Giáo dục thể chất 2:** **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, tác dụng và nguyên lý kỹ thuật của môn đẩy tạ kiểu lưng hướng ném, môn nhảy xa kiểu ưỡn thân, nhảy cao kiểu úp bụng và một số điều luật thi đấu của các môn học.

**9.18.3. Giáo dục thể chất 3:** **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền, luật thi đấu bóng chuyền.

**9.19. Giáo dục Quốc phòng-An ninh** **8 TC**

Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số: 31/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng – an ninh.

**9.20. Luyện âm** **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần luyện âm cung cấp kiến thức căn bản và thực hành phát âm tiếng Anh gồm: nguyên âm, phụ âm, nhị trùng âm; cách đọc –ed endings, và –s /-es endings; trọng âm từ (word stress) , trọng âm câu (sentence stress), đọc nối (link-up), nhịp điệu (rhythm) và ngữ điệu câu (intonation); Hướng dẫn học viên nghe và thực hành thông qua các bài tập thực hành đa dạng; Giúp nhận dạng và giải quyết các vấn đề phát âm thường gặp ở người học, có chú ý nhấn mạnh về các vấn đề của người Việt Nam học tiếng Anh. Đây là học phần cơ bản hỗ trợ cho người học trong việc phát triển các kỹ năng giao tiếp, đặc biệt là kỹ năng nghe, nói.

**9.21. Ngữ âm-Âm vị học** **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Luyện âm

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết cơ bản về hệ thống ngữ âm, âm vị tiếng Anh, mô tả và phân loại âm; Vai trò và các qui luật biến đổi của âm vị trong ngôn ngữ, các yếu tố siêu đoạn tính như trọng âm (stress), nhịp điệu (rhythm), ngữ điệu (intonation) và các chức năng của chúng. Ngoài ra, sinh viên có thể giải thích các hiện tượng ngữ âm như: đồng hóa âm, đọc nuốt, và các nguyên tắc đọc nối. Trên cơ sở đó sinh viên có thể củng cố và phát triển năng lực thực hành giao tiếp bằng tiếng Anh.

**9.22. Ngữ pháp 1** **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần tích hợp các kiến thức về ngữ pháp với việc sử dụng từ vựng tiếng Anh theo các chủ điểm: du lịch và vận chuyển, thể thao và giải trí, khoa học và công nghệ, phương tiện

truyền thông đại chúng, con người và xã hội, luật pháp và tệ nạn xã hội và các vấn đề về sức khỏe để vận dụng vào việc giao tiếp bằng tiếng Anh.

### **9.23. Ngữ pháp 2**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp 1

Học phần tiếp tục tích hợp các kiến thức về ngữ pháp với việc sử dụng từ vựng tiếng Anh theo các chủ đề: đồ ăn và thức uống, giáo dục và việc học tập, thời tiết và môi trường, tiền bạc và mua sắm, giải trí, môi trường, thời trang và thiết kế thời trang, qua đó người học có thể vận dụng vào việc giao tiếp bằng tiếng Anh. Kết thúc học phần, sinh viên được trang bị kiến thức đầy đủ để có thể tham gia vào các kỳ thi chuẩn năng lực cho các kỹ năng, đặc biệt là phần bài thi năng lực tiếng Anh *Use of English*.

### **9.24. Cú pháp học**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp 2

Học phần cung cấp cho người học khái niệm ngữ pháp truyền thống và phương pháp mô tả; kiến thức về ngữ pháp tạo sinh như các cấu trúc cú pháp, các ký hiệu sử dụng trong mô tả cú pháp, vẽ sơ đồ hình cây; và những quy tắc cú pháp như quy tắc cấu tạo các cụm từ ngữ, quy tắc từ vựng, quy tắc chuyển đổi câu; giúp nhận diện và giải thích các câu mơ hồ do cấu trúc gây nên.

### **9.25. Hình thái học**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp 2

Học phần cung cấp một cách có hệ thống các khái niệm cơ bản về hình thái học, các loại hình vị khác nhau, các cách thành lập từ và nhiều kiểu phân tích từ vựng tiếng Anh. Học phần cũng chú ý đến cả kết cấu nội tại lẫn ý nghĩa biểu đạt của chúng.

### **9.26. Ngữ nghĩa học**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp 2

Ngôn ngữ học được phân biệt theo hai bình diện của ngôn ngữ: bình diện biểu hiện và bình diện nội dung hay là bình diện ngữ nghĩa. Học phần này nghiên cứu về nghĩa của ngôn ngữ ở khía cạnh độc lập với ngôn ngữ qua các chương, phần về Ngữ nghĩa học tiếng Anh, nghĩa của từ, nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn. Ngoài ra, học phần cũng đề cập những vấn đề cơ bản về mối quan hệ giữa ngữ nghĩa học và ngữ dụng học.

### **9.27. Ngữ dụng học**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Ngữ nghĩa học

Học phần ngữ dụng học cung cấp kiến thức ngôn ngữ cho sinh viên, giúp họ hiểu rõ hơn lời nói trong giao tiếp để nâng cao kỹ năng giao tiếp của chính mình hoặc tiếp tục nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ. Ngữ dụng học nghiên cứu ý nghĩa của lời nói qua một tình huống giao tiếp, một ngữ cảnh cụ thể để hiểu thông điệp giao tiếp thực sự mà người nói muốn truyền tải đến người nghe.

### **9.28. Phân tích diễn ngôn**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giúp SV phân tích các yếu tố ngôn ngữ của diễn ngôn như cohesion, information structure, given/new information, theme & rheme, genre. PTDN còn giúp SV phân tích diễn ngôn qua mối quan hệ giữa người nói và người nghe, giữa người viết và người đọc trong quá trình họ xây dựng và diễn giải diễn ngôn của người kia, giải mã điều thực sự người nói muốn nói chứ không phải nghĩa đen của câu chữ người nói sử dụng (coherence), mối liên kết của tất cả các yếu tố trong một diễn ngôn qua cách dùng các đại từ, liên từ (cohesion), giải

mã ý nghĩa lời nói qua mối quan hệ phức tạp giữa những người tham gia trong các ngữ cảnh khác nhau (speech events), qua các cách thức đối thoại như chờ đợi, cắt ngang (conversational interaction). SV sẽ được hiểu rõ hơn về nguyên tắc hợp tác (the co-operative principle), cách thức hình thành diễn ngôn (bottom-up or top-down processing, interactive processing) trong một đối thoại, sử dụng nền tảng kiến thức của mình (background knowledge) để hiểu diễn ngôn của người kia. PTDN còn giúp SV miêu tả và giải thích quy trình tạo dựng và diễn giải các trao đổi trong một hội thoại (conversational analysis), quá trình thương thuyết giữa các người nói để hiểu rõ hơn diễn ngôn (negotiation of meaning), yếu tố văn hóa tác động đến diễn ngôn giữa 2 người đến từ hai nguồn văn hóa khác nhau (intercultural communication).

### **9.29. Ngôn ngữ-xã hội học**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Ngữ nghĩa học

Học phần này giới thiệu mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hóa và xã hội; giới tính, tuổi tác, tầng lớp xã hội, sở thích, quan hệ xã hội, địa phương, tín ngưỡng, kiêng kỵ, chính trị, tập tục, truyền thống đối với việc sử dụng ngôn ngữ qua các biến thể ngôn ngữ, qua cách xưng hô, qua những tình huống nói năng hoặc im lặng, qua sự thay đổi ngôn ngữ.

### **9.30. Ngôn ngữ học đối chiếu**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Ngữ nghĩa học

Học phần cung cấp cho sinh viên công cụ về mặt lí thuyết để so sánh đối chiếu tiếng mẹ đẻ với tiếng Anh đồng thời cung cấp các thủ pháp và nguyên tắc cụ thể được sử dụng trong quá trình so sánh đối chiếu ngôn ngữ để giúp sinh viên thuận lợi hơn trong việc phát âm, giảng dạy tiếng Anh và dịch thuật Anh-Việt hoặc Việt-Anh.

### **9.31. Văn học Anh**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm văn học qua từng giai đoạn lịch sử và xã hội của nước Anh, các tác giả tiêu biểu của từng thời kỳ với chủ đề và văn phong đặc trưng, các tác phẩm tiêu biểu thể hiện chủ đề và đặc điểm xã hội, một số lý thuyết văn học và các phương pháp nghiên cứu tác phẩm văn học.

### **9.32. Văn học Mỹ**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm văn học qua từng giai đoạn lịch sử và xã hội, các tác giả tiêu biểu của từng thời kỳ với chủ đề và văn phong đặc trưng, các tác phẩm tiêu biểu thể hiện chủ đề và đặc điểm xã hội, một số lý thuyết về văn học và các phương pháp nghiên cứu tác phẩm văn học.

### **9.33. Đất nước học Anh**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giới thiệu về đất nước và con người Anh, hệ thống giá trị, phong tục tập quán, xã hội, tôn giáo, hệ thống chính trị, kinh tế của vương quốc Anh, làm nền tảng để tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đó trong tiếp thu ngôn ngữ Anh, trong hoạt động giao tiếp liên văn hoá.

### **9.34. Đất nước học Mỹ**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp một cái nhìn tổng quát về Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, giới thiệu sơ lược lịch sử hình thành đất nước kể từ thời lập quốc, phân tích những đặc trưng cơ bản về đất nước, con người và văn hóa Hoa Kỳ đương đại. Học phần chú trọng vào lịch sử nhập cư, các

làn sóng nhập cư và tính đa dạng của nền văn hóa Mỹ, những giá trị cơ bản truyền thống và hiện đại của người Mỹ, tổ chức bộ máy nhà nước, hệ thống giáo dục và các đặc điểm của nền giáo dục Hoa Kỳ, gia đình, v.v.

### **9.35. Văn hóa của các nước nói tiếng Anh**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giúp người học tìm hiểu và khám phá các nền văn hóa, lịch sử, địa lý, các sự kiện của một số nước nói tiếng Anh như Anh, Mỹ, Canada, Úc, Ấn Độ, Singapore, Philippines, New Zealand, v.v.

Học phần còn cung cấp một số kiến thức cơ bản về các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, và giáo dục đồng thời giúp phát triển các kỹ năng như thuyết trình, phân tích, phê phán, làm việc nhóm, nghiên cứu liên ngành và tranh luận. Hơn nữa, học phần tạo điều kiện nâng cao vốn từ vựng tiếng Anh cũng như các kỹ năng tiếng Anh, đóng vai trò là tiền đề cho những ai quan tâm đến chuyên ngành Quốc tế học.

### **9.36. Giao thoa văn hóa**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Giao thoa Văn hóa giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết giao thoa giữa các nền văn hoá khác nhau, giúp sinh viên nhận thức được những khác biệt trong giao tiếp giữa những người thuộc các nền văn hoá khác nhau, và giúp sinh viên nâng cao khả năng phân tích, so sánh và đối chiếu, từ đó có thái độ đúng trong giao tiếp với những người đến từ các nền văn hoá khác.

### **9.37. Tiếng Anh Tổng hợp B1.1**

**4 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tiếng Anh Tổng hợp B1.1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng tiếng Anh ở đầu trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

### **9.38. Tiếng Anh Tổng hợp B1.2**

**4 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh Tổng hợp B1.1

Học phần Tiếng Anh Tổng hợp B1.2 tiếp tục cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng tiếng Anh ở giữa trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

### **9.39. Tiếng Anh Tổng hợp B1.3**

**4 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh Tổng hợp B1.2

Học phần Tiếng Anh Tổng hợp B1.3 tiếp tục cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng tiếng Anh ở cuối trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Cuối học phần này, sinh viên có thể:

- Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v.

- Xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng tiếng Anh.

- Viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm.

- Mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

- Tham dự các kỳ thi lấy chứng chỉ năng lực Tiếng Anh Bậc 3.



#### **9.40. Tiếng Anh Tổng hợp B2.1**

**4 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh Tổng hợp B1.3

Học phần Tiếng Anh Tổng hợp B2.1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng tiếng Anh ở đầu trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

#### **9.41. Tiếng Anh Tổng hợp B2.2**

**4 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh Tổng hợp B2.1

Học phần Tiếng Anh Tổng hợp B2.2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng tiếng Anh ở giữa trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

#### **9.42. Tiếng Anh Tổng hợp B2.3**

**4 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh Tổng hợp B2.2

Học phần Tiếng Anh Tổng hợp B2.3 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng tiếng Anh ở cuối trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Cuối học phần này, sinh viên có thể:

- Hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân.
- Giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ.
- Viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
- Tham dự các kỳ thi lấy chứng chỉ năng lực Tiếng Anh Bậc 4.

#### **9.43. Tiếng Anh Tổng hợp C1.1**

**4 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh Tổng hợp B2.3

Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Anh nhằm phát triển bốn kỹ năng ngôn ngữ: Nghe - Nói - Đọc - Viết ở trình độ C1. Học phần trang bị các dạng bài đọc hiểu và kỹ năng đọc từng thể loại khác nhau; luyện cách viết các dạng bài luận, bài báo, báo cáo, bài tóm tắt hay viết thư và thư điện tử với phong cách và lối viết trang trọng, thông thường hay thân mật; luyện kỹ năng nghe với các thể loại khác nhau và nhận ra thái độ, ý kiến và cảm xúc của người nói, làm quen với các giọng và tốc độ của các bài nghe, suy đoán nội dung của bài nghe, nắm bắt ý chính và một số thông tin cụ thể; hệ thống lại các chủ điểm ngữ pháp và các cấu trúc câu, luyện kỹ năng nói qua các hoạt động trình bày những chủ đề phức tạp một cách chính xác và khoa học.

#### **9.44. Tiếng Anh Tổng hợp C1.2**

**4 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh Tổng hợp C1.1

Học phần tiếp tục cung cấp kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Anh nhằm phát triển đồng đều bốn kỹ năng ngôn ngữ: Nghe - Nói - Đọc - Viết đạt trình độ C1

Học phần tiếp tục trang bị các thể loại bài đọc hiểu dài, khó hơn; Viết các chủ đề phức tạp với nhiều dạng tổ chức văn bản, sử dụng đa dạng loại hình ngôn ngữ; Nghe và diễn đạt trôi chảy, sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả về các lĩnh vực xã hội, học thuật và chuyên môn. SV có thể tóm tắt các nguồn thông tin nói hoặc viết, sắp xếp lại thông tin và trình bày logic. Có thể diễn đạt trôi chảy và chính xác, phân biệt, nhận định nghĩa hàm ý trong các tình huống phức tạp.

#### **9.45. Tiếng Anh Tổng hợp C1.3**

**4 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh Tổng hợp C1.2

Học phần Tiếng Anh Tổng hợp C1.3 tiếp tục cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng tiếng Anh ở cuối trình độ Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Cuối học phần này, sinh viên có thể:

- Hiểu và nhận biết được hàm ý của các văn bản dài với phạm vi rộng.
- Diễn đạt trôi chảy, tức thì, không gặp khó khăn trong việc tìm từ ngữ.
- Sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn.
- Viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện được khả năng tổ chức văn bản, sử dụng tốt từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết.
- Tham dự các kỳ thi lấy chứng chỉ năng lực Tiếng Anh Bậc 5.

#### **9.46. Lý thuyết dịch**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần chủ yếu hướng tới việc giúp sinh viên bước đầu làm quen với Lý thuyết biên phiên dịch, thông qua đó củng cố kỹ năng sử dụng đúng tiếng Anh có so sánh với tiếng Việt. Đồng thời giúp sinh viên làm quen với các thao tác dịch thuật, cách phân tích văn bản gốc và văn bản dịch, cách dịch thông báo và dịch ngữ nghĩa, tiến trình dịch thuật. Sinh viên ứng dụng được lý thuyết dịch thuật để dịch các văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.

#### **9.47. Kỹ thuật dịch**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

Học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để phục vụ cho công tác biên phiên dịch như: kỹ năng dịch thoát ý, kỹ năng dịch thành ngữ, kỹ năng sử dụng ngữ điệu, ngôi và số, kỹ năng dịch câu thiếu chủ ngữ, vv.

Học phần còn giúp sinh viên phát hiện và sửa chữa các sai lệch về ngôn ngữ, phong cách và văn hóa trong khi biên phiên dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt hoặc ngược lại.

#### **9.48. Kỹ năng biên dịch**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Kỹ thuật dịch

Học phần nhằm giúp sinh viên làm quen với quá trình dịch thuật, các kỹ năng dịch văn bản đơn giản, đồng thời giúp sinh viên ý thức được tầm quan trọng của các khái niệm lý thuyết và nguyên lý cơ bản trong dịch thuật văn bản.

Giúp sinh viên nhận biết và làm quen với các kỹ năng và chiến lược dịch thuật có liên quan đến giao thoa trong văn hoá giao tiếp và ngôn ngữ.

#### **9.49. Kỹ năng phiên dịch**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng biên dịch

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên khả năng vận dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, ghi nhớ, tóm tắt, phân tích, diễn giải và trình bày thông tin ở mức độ lưu loát, trôi chảy và thái độ tự tin, thể hiện khả năng chuyển ngữ tốt trong các hội nghị, hội thảo từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích và ngược lại.

Học phần này kế thừa các học phần thực hành ngôn ngữ cũng như các học phần liên quan đến phát triển kỹ năng biên phiên dịch.

#### **9.50. Biên phiên dịch Tiếng Anh Dịch vụ du lịch và lễ hành**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong lĩnh vực Dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần giới thiệu về ngành du lịch và các dịch vụ đại lý lữ hành, các kinh nghiệm thực tiễn trong quản lý và điều hành các đại lý lữ hành trong và ngoài nước. Sinh viên được thực hành biên phiên dịch về các nội dung như: hoạt động hướng dẫn du lịch, những yêu cầu cơ bản khi đi du lịch, những yếu tố tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch, phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch và xử lý tình huống trong hướng dẫn du lịch. Sinh viên được thực hành biên phiên dịch theo các chủ đề: du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng. Kết thúc học phần, sinh viên có kỹ năng biên phiên dịch các văn bản cũng như xử lý tương tác các tình huống nêu trên một cách trôi chảy, tự nhiên, đúng phong cách và chính xác.

### **9.51. Biên phiên dịch Tiếng Anh Văn hóa -Du lịch**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần khám phá bản chất của các di sản, văn hóa, du lịch và mối quan hệ của chúng với du lịch và sự phát triển của du lịch. Học phần cũng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến bảo tồn, gìn giữ và phát triển di sản, văn hóa trong bối cảnh hiện tại ở các địa phương, từ đó rút ra các kinh nghiệm để phát triển bền vững và lưu giữ hoàn thiện các giá trị của văn hóa cho các thế hệ kế cận.

Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong lĩnh vực Văn hóa- Du lịch. Người học được thực hành biên phiên dịch thông qua các hoạt động giới thiệu các di sản, văn hóa, du lịch; tình huống giao tiếp tương tác giữa một hướng dẫn viên du lịch với đoàn khách du lịch trong nước và quốc tế về một nét văn hóa đặc trưng. Kết thúc học phần, sinh viên có kỹ năng biên phiên dịch về văn hóa-du lịch một cách trôi chảy, tự nhiên, đúng phong cách và chính xác.

### **9.52. Biên phiên dịch Tiếng Anh Thương mại**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, thuật ngữ chuyên ngành về các hoạt động kinh doanh thương mại. Sinh viên được trang bị các kỹ thuật biên phiên dịch và thực hành biên phiên dịch các tài liệu, văn bản hợp đồng theo các chủ đề: quản lý nhân sự, kinh doanh qua mạng, tuyên dụng, thanh toán, thị trường và đối thủ cạnh tranh. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng biên phiên dịch các văn bản về các chủ đề trên một cách trôi chảy, tự nhiên, đúng phong cách và chính xác.

### **9.53. Biên phiên dịch Tiếng Anh Giao tiếp xã hội**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong lĩnh vực giao tiếp xã hội. Sinh viên được thực hành biên phiên dịch về các nội dung như: giao tiếp xã giao cơ bản trong các tình huống cụ thể, tạo mối quan hệ với khách hàng, chào mừng khách hàng tới thăm, sử dụng dịch vụ tại công ty, nhà hàng, khách sạn, ... Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng đa dạng loại hình ngôn ngữ vào các tình huống về các chủ đề trên một cách trôi chảy, tự nhiên, đúng phong cách và chính xác.

### **9.54. Biên phiên dịch Tiếng Anh Chăm sóc khách hàng**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong lĩnh vực chăm sóc khách hàng. Sinh viên được thực hành biên phiên dịch về các nội dung như: các loại hình dịch vụ phục vụ khách hàng; chương trình khuyến mãi ưu đãi khách

hàng, xây dựng mạng lưới quan hệ trong kinh doanh, dịch vụ... nhằm làm hài lòng khách hàng. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng đa dạng ngôn ngữ trong tình huống nhằm làm hài lòng khách hàng.

### **9.55. Biên phiên dịch Tiếng Anh Tiếp thị và Quảng cáo**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong lĩnh vực tiếp thị và quảng cáo. Sinh viên được thực hành biên phiên dịch trong các tình huống cụ thể với các nội dung như: quảng bá công ty, chất lượng sản phẩm, các chiến lược công cụ quảng cáo và tổ chức sự kiện...; sử dụng ngôn ngữ hay, ngắn gọn, súc tích nhằm thuyết phục khách hàng, đối tác lựa chọn sản phẩm, loại hình dịch vụ... của công ty. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng đa dạng ngôn ngữ trong nhiều tình huống liên quan đến các nội dung trên.

### **9.56. Biên phiên dịch Tiếng Anh Nuôi trồng Thủy-Hải sản**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong lĩnh vực nuôi trồng thủy hải sản. Học phần đề cao vị thế địa lý của Việt Nam nói chung và của các tỉnh duyên hải Miền Trung nói riêng, trong đó có tỉnh Phú Yên, thuận lợi trong việc đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản, chế biến và xuất khẩu ra nước ngoài góp phần giải quyết nạn thất nghiệp, tăng thu nhập thuế các mặt hàng xuất khẩu cho chính phủ. Học phần trang bị kiến thức và ngôn ngữ về cơ sở vật chất, trang thiết bị nuôi trồng các giống thủy hải sản, thức ăn, kỹ thuật nuôi trồng, kỹ thuật bảo vệ, khai thác, bảo quản thủy hải sản sau thu hoạch. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức và ngôn ngữ để giao tiếp, dịch thuật về lĩnh vực nuôi trồng thủy hải sản.

### **9.57. Biên phiên dịch Tiếng Anh Thực phẩm**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong lĩnh vực thực phẩm. Các chủ đề chính của học phần hầu hết gắn với các tình huống ở nhà hàng, khách sạn, những nơi phục vụ các loại thực phẩm và các món ăn. Sinh viên được trang bị đa dạng kiến thức và ngôn ngữ về đồ ăn, thức uống... Sinh viên đóng các vai: quản lý nhà hàng, nhân viên phục vụ nhà hàng, đầu bếp và phụ bếp của nhà hàng; am hiểu về các loại thực đơn với những món khai vị, món chính, món tráng miệng, các loại đồ uống ...nhằm đề xuất, giải thích, giới thiệu các loại thực phẩm tươi ngon, các món ăn, đồ uống tiêu biểu của nhà hàng. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng đa dạng ngôn ngữ trong nhiều tình huống liên quan đến các nội dung trên nhằm phục vụ và đáp ứng yêu cầu của khách hàng nước ngoài tốt hơn và giúp nhà hàng ngày càng trở nên chuyên nghiệp.

### **9.58. Biên phiên dịch Tiếng Anh Hội nghị**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong hội thảo, hội nghị, trong các cuộc họp. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và ngôn ngữ về cách thiết lập và điều hành hội nghị có yếu tố quốc tế như cách mở đầu cuộc họp bằng Tiếng Anh; cách xin phép đưa ra ý kiến, câu hỏi; cách đưa ra đề nghị, bình luận hay bày tỏ thái độ về ý kiến của người khác; cách làm rõ vấn đề; yêu cầu nhắc lại hay giải thích rõ hơn một thông tin; cách tham khảo ý kiến; cách kết thúc cuộc họp. Sau khi kết thúc học phần, sinh

viên có khả năng vận dụng cơ bản các loại hình ngôn ngữ trong nhiều tình huống được nêu trên.

### **9.59. Biên phiên dịch Tiếng Anh Báo chí**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong lĩnh vực báo chí. Nội dung học tập bao gồm: giới thiệu về lịch sử báo chí, các loại hình báo chí, hướng dẫn cách tìm kiếm thông tin, biên tập, viết tin bài, phỏng vấn,... Sinh viên được thực hành kỹ năng phỏng vấn báo chí thông qua các hoạt động nhập vai một nhà báo thực hiện một cuộc phỏng vấn với nhân vật trong nhiều lĩnh vực như giải trí, du lịch, kinh doanh, quảng cáo, tiếp thị... Sinh viên cũng tham gia các hoạt động thảo luận, làm bài tập dự án, đánh giá và tạo ra một số sản phẩm báo chí cơ bản. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng cơ bản các loại hình ngôn ngữ trong các nội dung trên.

### **9.60. Kỹ năng phỏng vấn cho các vị trí biên phiên dịch**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần nêu rõ vai trò, vị trí, tiêu chuẩn của Thông dịch viên và thị trường việc làm của Thông dịch viên trong thời kỳ hội nhập. Học phần cung cấp các loại câu hỏi phỏng vấn và các câu trả lời liên quan đến vị trí Thông dịch viên, bao gồm các câu hỏi phỏng vấn chung và câu hỏi phỏng vấn chuyên môn; các yêu cầu cho qui trình chuẩn bị phỏng vấn; các yêu cầu cho qui trình phỏng vấn. Sinh viên làm quen với các dạng đơn xin việc, biết lập profiles, blogs cá nhân trên mạng, biết tìm kiếm thông tin tuyển dụng việc làm phù hợp. Kết thúc học phần, sinh viên trở nên tự tin, sẵn sàng tham gia các cuộc phỏng vấn xin việc.

### **9.61. Kỹ năng thuyết trình**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần phát triển kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh, hướng dẫn các bước chuẩn bị và thực hiện một bài thuyết trình có hiệu quả. Học phần giúp nâng cao nhận thức của SV về các yếu tố mang đến sự thành công cho việc trình bày trên lớp học, hội thảo và hội nghị như nội dung trình bày, dàn ý, sử dụng thời gian và các phương tiện nghe nhìn, khả năng tương tác với khán giả.

### **9.62. Thực tập tốt nghiệp**

**7 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Sinh viên phải trực tiếp tham gia vào hoạt động của đơn vị thực tập, phải tìm hiểu từ các hoạt động tại đơn vị đó; trên cơ sở kiến thức đã học ở nhà trường, sinh viên vận dụng Tiếng Anh linh hoạt để giao tiếp, giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra.

Để có đủ thông tin viết Báo cáo thực tập và minh chứng cho quá trình thực tập, yêu cầu sinh viên viết Nhật ký thực tập. Cuối đợt thực tập, sinh viên viết Báo cáo thực tập gửi về Khoa Ngoại ngữ cùng với Nhật ký thực tập và Nhận xét của cơ quan thực tập.

### **9.63. Khóa luận tốt nghiệp**

**7 TC**

Điều kiện tiên quyết: sinh viên có kết quả điểm học tập (điểm tích lũy) từ HK1 đến HK6 đạt loại khá trở lên (theo qui định của nhà trường).

- Sinh viên chọn đề tài cho Khóa luận tốt nghiệp theo đúng chuyên ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh (Chuyên ngành Biên phiên dịch);

- Sinh viên sẽ được Khoa phân công giảng viên hướng dẫn và viết đề tài trong khoảng thời gian qui định của nhà trường;

- Sinh viên được miễn học 7 TC (tương ứng 2 HP thay thế khóa luận tốt nghiệp) như đã nêu trong chương trình.

## 10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

### 10.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần, môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Ngô Thị Kim Phượng, 1968, Phó Trưởng phòng Đào tạo	GVC, 2006	ThS, Việt Nam, 2005	Triết học	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1
2	Nguyễn Thị Trang, 1974, Trưởng Bộ môn Nguyên lý cơ bản CN Mác-Lênin	GV	ThS, Việt Nam, 2009	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2
3	Trần Văn Tàu, 1975, Trưởng BM Tư tưởng Hồ Chí Minh	GVC, 2011	ThS, Việt Nam, 2005	Lịch sử Việt Nam	-Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Võ Thị Minh Duyên, 1972, Trưởng Khoa Lý luận chính trị	GVC, 2011	ThS, Việt Nam, 2005	Lịch sử Việt Nam	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam
5	Nguyễn Phi Phượng, 1975, Phó Trưởng Khoa Lý luận chính trị	GV	ThS, Việt Nam, 2005	Luật hành chính	-Pháp luật đại cương, -Soạn thảo văn bản
6	Võ Thị Ngọc Hoa, 1976, Phó Trưởng Khoa KHXH & NV	GV	ThS, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ học so sánh	- Tiếng Việt thực hành - Dẫn luận ngôn ngữ học
7	Nguyễn Định, 1961, Phó Hiệu trưởng Phụ trách	GV	TS, Việt Nam, 2008	Văn hóa học	-Cơ sở văn hóa Việt Nam
8	Nguyễn Huy Phương, 1976, Trưởng phòng CTHSSV	GV	ThS, Việt Nam, 2003, NCS	Lịch sử Thế giới	-Lịch sử văn minh thế giới
9	Nguyễn Thị Hạnh, 1970, Phó Trưởng phòng Tổ chức- Cán bộ	GVC, 2011	ThS, Việt Nam, 2004	PPGD Tiếng Pháp	-Tiếng Pháp 1,2,3,4
10	Lê Thị Kim Anh, 1987, Phó Trưởng bộ môn, Khoa KT-CN	GV	ThS, Việt Nam, 2013	Khoa học máy tính	-Tin học đại cương
11	- Nguyễn Huy Vũ, 1985, Giảng viên	GV	ThS, Việt Nam, 2013	GDTC	- Giáo dục thể chất 1
	- Nguyễn Ngọc Sách, 1968, Giảng viên	GV	CN, Việt Nam, 2003	GDTC	- Giáo dục thể chất 2
	- Nguyễn Quốc Trâm, 1983, Giảng viên	GV	ThS, Việt Nam, 2014	GDTC	- Giáo dục thể chất 3
12	Trường Quân sự Tỉnh Phú Yên				Giáo dục quốc phòng – an ninh

13	Giảng viên Khoa Ngoại ngữ				Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm Biên phiên dịch
14	Hoàng Lưu Bảo, 1971, Giám đốc Thư viện	GVC, 2011	ThS, Việt Nam, 2008	Ngôn ngữ Anh	-Ngữ nghĩa học -Ngôn ngữ Xã hội học
15	Nguyễn Thị Xuân Duyên, 1971, Giảng viên, Khoa Ngoại Ngữ	GVC, 2011	ThS, Việt Nam, 2007	Ngôn ngữ Anh	-Tiếng Anh tổng hợp B2.1, 2, 3 -Biên phiên dịch Tiếng Anh Giao tiếp xã hội
16	Châu Văn Đôn, 1967, Phó Trưởng phòng QLKH-HTQT	GVC, 2009	ThS, Việt Nam, 2008	PPGD Tiếng Anh	-Kỹ năng phiên dịch -Biên phiên dịch Tiếng Anh Hội nghị
17	Hồ Thị Việt Luận, 1970, Trưởng Bộ môn Tiếng Anh chuyên ngữ	GVC, 2011	ThS, Việt Nam, 2005	PPGD Tiếng Anh	-Tiếng Anh tổng hợp B1.1, 2, 3 - Biên phiên dịch Tiếng Anh Thương mại
18	Hồng Ái Nga, 1970, Trưởng Bộ môn Tiếng Anh không chuyên ngữ	GVC, 2011	ThS, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh	-Luyện âm -Ngữ âm- âm vị học
19	Lê Thị Băng Tâm, 1973, Phó Trưởng Khoa Ngoại ngữ	GVC, 2011	ThS, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh	-Biên phiên dịch Tiếng Anh Văn hóa -Du lịch -TATH C1.1,2,3
20	Tôn Nữ Phương Thảo, 1964, Trưởng Khoa Ngoại ngữ	GVC, 2006	ThS, Australia, 2003	Education (TESOL)	-Ngữ pháp 1,2 -Kỹ thuật dịch
21	Võ Thị Kim Thoa, 1968, Giảng viên	GV	ThS, Việt Nam, 2008	Ngôn ngữ Anh	-Lý thuyết dịch -Biên phiên dịch Tiếng Anh chăm sóc khách hàng
22	Dương Thị Lệ Thủy, 1967, Giảng viên	GVC, 2006	ThS, Việt Nam, 2005	PPGD Tiếng Anh	- Văn hóa các nước nói Tiếng Anh -Kỹ năng biên dịch
23	Lê Thị Anh Phương, 1958, Giảng viên	GV	TS, Australia, 2008	Education (TESOL)	- Văn học Anh/Mỹ - PPNCKH
24	Phạm Như Quỳnh, 1988, Giảng viên	GV	ThS, Việt Nam, 2016	PPGDTA	-Biên phiên dịch Tiếng Anh Nuôi trồng Thủy-Hải sản -Biên phiên dịch Tiếng Anh Thực phẩm

### 10.2. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Trần Văn Phước, 1955, nguyên Hiệu trưởng trường ĐH Ngoại ngữ Huế	PGS, 2006 GVCC	TS, Australia, 2001	Linguistics	- Giao thoa văn hóa -Ngôn ngữ học đối chiếu
2	Đặng Ngọc Hiếu, 1956, nguyên GV trường ĐH Ngoại ngữ Huế	GV	ThS, Australia, 1998	Education (TEFL)	-Đất nước học Anh - Biên phiên dịch Tiếng Anh Báo chí
3	Hà Văn Sinh, 1957, nguyên GV Trường ĐH Phú Yên	GV	TS, Australia, 2003	Education (Language Teacher Education)	-Đất nước học Mỹ -Biên phiên dịch Tiếng Anh Dịch vụ du lịch và lữ hành
4	Phan Thị Thanh Thảo, 1972, Trợ lý Sau Đại học, Khoa Quản lý Sau Đại học, Trường ĐH Ngoại ngữ Huế	GV	TS, Cộng Hòa Pháp, 2014	Linguistics	- Kỹ năng phỏng vấn cho các vị trí biên phiên dịch -Kỹ năng thuyết trình
5	Tôn Nữ Mỹ Nhật, 1970, Giảng viên Khoa Ngoại ngữ, Trường ĐH Qui Nhơn	PGS, 2010	TS, 2006, Việt Nam	Lý Luận Ngôn Ngữ Anh	-Phân tích diễn ngôn -Ngữ dụng học
6	Hoàng Liên Hương	GV	ThS, Australia, 2015	Education (TESOL)	- Hình thái học/ Cú pháp học -Biên phiên dịch Tiếng Anh Tiếp thị-Quảng cáo

### 11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

#### 11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng:

Có đủ phòng học cho việc giảng dạy và học tập, ngoài ra hiện nay nhà trường đã chú trọng việc trang bị các phòng học đa phương tiện để giảng viên tiến hành phương pháp giảng dạy mới như: sử dụng giáo án điện tử, máy quét hình để minh họa.

#### 11.2. Thư viện:

- Tổng diện tích thư viện: 1236 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích phòng đọc: 512 m<sup>2</sup>.
- Số chỗ ngồi: 200; Số máy tính phục vụ tra cứu: 46.
- Phần mềm quản lý thư viện: Phần mềm quản lý tích hợp Libol 5.5.
- Thư viện điện tử: đã kết nối được với thư viện điện tử của một số trường đại học trong nước.



### 11.3. Danh mục giáo trình chính của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học, học phần
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, Hà Nội	2016	200	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, Hà Nội	2016	200	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2
3	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phạm Ngọc Anh	Chính trị quốc gia, Hà Nội	2016	20	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, Hà Nội	2016	200	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam
5	Giáo trình Pháp luật Đại cương	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học sư phạm Hà Nội	2015	100	Pháp luật đại cương
6	Giáo trình ngôn ngữ học đại cương	Hoàng Dũng	Đại học sư phạm Hà Nội	2007	20	Dẫn luận ngôn ngữ học
7	Tiếng Việt thực hành	Bùi Minh Toán – Nguyễn Quang Ninh	Đại học sư phạm	2003	40	Tiếng Việt thực hành
8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Giáo dục Hà Nội	1999	10	Cơ sở văn hóa Việt Nam
9	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh	Nxb Giáo dục, Hà Nội	2003	93	Lịch sử văn minh thế giới
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Võ Thị Ngọc Lan	Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.	2012	30	Phương pháp nghiên cứu khoa học
11	Giáo trình tin học đại cương	Nhóm tác giả trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Lao động – Xã hội	2012	30	Tin học đại cương
12	Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật	Trường Đại học Luật Tp Hồ Chí Minh	Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam.	2012	20	Soạn thảo văn bản
13	Le Nouveau Taxi! 1 & 2	Guy Capelle et Robert Menand,	Hachette Livre, Paris	2009	10	Tiếng Pháp 1,2,3,4
14	Giáo Trình Thể dục	Trương Anh Tuấn	Đại học sư phạm	2004		Giáo dục thể chất 1
15	Giáo trình Điền kinh	Trương Anh Tuấn Nguyễn Kim Minh	Đại học sư phạm HN	2004	10	Giáo dục thể chất 2

16	Giáo trình Bóng chuyên	Nguyễn Việt Minh	Đại học sư phạm	2003	10	Giáo dục thể chất 3
17	Giáo trình GDQP- AN dùng cho các trường CĐ- ĐH	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo Dục	2012	80	Giáo dục quốc phòng
18	Work on your accent (Clearer pronunciation for better communication)	Collins	TH Tp. HCM	2013	10	Luyện âm
19	An Introduction to English Phonetics and Phonology	Trần Văn Phước & Nguyễn Thanh Bình	Hue University Publishing House	2014	10	Ngữ âm-Âm vị học
20	Destination B2 Grammar and Vocabulary	Malcom Mann & Steve Taylore-Knowles	Macmillan	2012	10	Ngữ pháp 1,2
21	Ngữ nghĩa học Tiếng Anh English Semantics	Tô Minh Thanh	ĐH KH XHNV Tp HCM	2010	10	Ngữ nghĩa học
22	English Morphology	Tô Minh Thanh	ĐHQG TPHCM	2003	10	Hình thái học
23	An Outline of Syntax	Nguyễn Hòa Lạc	TPHCM	1995	10	Cú pháp học
24	An Introduction to Sociolinguistics,	Janet Holmes	Routledge	2013	10	Ngôn ngữ xã hội học
25	Giáo trình Ngôn ngữ học đối chiếu	Lê Thị Thanh Nga	Lưu hành nội bộ	2014	10	Ngôn ngữ học đối chiếu
26	Pragmatics	George Yule	OUP	1996	10	Ngữ dụng học
27	Introducing Discourse Analysis	David Nunan	Penguin English	1993	10	Phân tích diễn ngôn
28	Intercultural Business Communication	Gibson, R.	New York: Oxford.	2002	03	Giao thoa văn hóa
29	English-Speaking Countries' Cultures, Internal Circular	Ton Nu Phuong Thao	Lưu hành nội bộ	2015	10	Văn hóa các nước nói Tiếng Anh
30	Britain-The Country and Its People: An Introduction for Learners of English	James O'Driscoll	Oxford University Press	1997	10	Đất nước học Anh
31	The American Ways. An Introduction to American Culture	Datesman. Leslie K.; Crandall, JoAnn & Kearny Edward N.	New Jersey: Prentice Hall Regents	1997	10	Đất nước học Mỹ

32	American Literature	The U.S. Department of State	Global Publishing Solutions	2012	10	Văn học Mỹ
33	British Literature	Gloria M.H & S. Waller & D. Bill.	Addition Wesley Educational Publishers Inc.	2001	10	Văn học Anh
34	Life Intermediate Student's book	Paul Dummett; John Hughes; Helen Stephenson	Cengage Learning	2016	10	Tiếng Anh Tổng hợp B1-1,2,3
35	Life Upper-Intermediate Student's book	Paul Dummett; John Hughes; Helen Stephenson	Cengage Learning	2016	10	Tiếng Anh Tổng hợp B2-1,2,3
36	Life Advanced Student's book	Paul Dummett; John Hughes; Helen Stephenson	Cengage Learning	2016	10	Tiếng Anh Tổng hợp C1-1,2,3
37	Approaches to Translation	Peter Newmark	Fergamon Institute of English, Oxford.	1981	10	Lý thuyết dịch
38	About Translation	Peter Newmark	University of Surrey Centre for Translation and Language Studies	1991	10	Kỹ thuật dịch
39	Advanced English for Translation	Dennis Chamberlin and Gillian White	Cambridge University Press, UK.	1987	10	Kỹ năng Biên dịch
40	Chương trình đào tạo phiên dịch Tiếng Anh chuyên nghiệp		TT học Liệu – Đại Học Huế.		10	Kỹ năng Phiên dịch
41	Translation of English for Tourism	ĐH Phú Yên	ĐH Phú Yên	2017	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Dịch vụ du lịch và lễ hành
42	Translation of English for Careers Tourism I	ĐH Phú Yên	ĐH Phú Yên	2017	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Văn hóa -Du lịch
43	Translation of English for Socializing	ĐH Phú Yên	ĐH Phú Yên	2017	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Giao tiếp xã hội

44	Translation of English for Customer Care	ĐH Phú Yên	ĐH Phú Yên	2017	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh chăm sóc khách hàng
45	Translation of English for Marketing and Advertising	ĐH Phú Yên	ĐH Phú Yên	2017	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Tiếp thị-Quảng cáo
46	Translation of English for Business	ĐH Phú Yên	ĐH Phú Yên	2017	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Thương mại
47	Translation of English for Aquaculture	ĐH Phú Yên	ĐH Phú Yên	2017	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Nuôi trồng Thủy-Hải sản
48	Translation of Food and Beverage Service	ĐH Phú Yên	ĐH Phú Yên	2017		Biên phiên dịch Tiếng Anh Thực phẩm
49	Translation of English for Meetings	ĐH Phú Yên	ĐH Phú Yên	2017	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Hội nghị
50	Translation of English for Journalism	ĐH Phú Yên	ĐH Phú Yên	2017	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Báo chí
51	English for Job Interview (e-book online)	TJ Taylor	www.Blog.tjtaylor.net		1	Kỹ năng phỏng vấn cho các vị trí biên phiên dịch
52	Presenting in English, How To Give Successful Presentations,	Powell, M	Thomson Heinle	2002	10	Kỹ năng thuyết trình

#### 11.4. Danh mục, sách, tài liệu tham khảo của ngành đào tạo

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Giáo trình các môn học Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2007	300	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1
2	Giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn	Chính trị quốc gia	2003	150	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2
3	Đĩa CD ROM, Hồ Chí Minh toàn tập	Ban Tuyên giáo TW	Chính trị quốc gia	1996	01	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tập 1)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2007	10	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

5	Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật	Trường Đại học Luật Hà Nội	Tư pháp, Hà Nội	2006	5	Pháp luật đại cương
6	Giáo trình cơ sở ngôn ngữ học và Tiếng Việt	Bùi Tất Tuom	Giáo dục	1997	10	Dẫn luận ngôn ngữ học
7	Cẩm nang kỹ thuật soạn thảo văn bản	Hoàng Giang	Lao động xã hội	2008	5	Tiếng Việt thực hành
8	Góp phần nghiên cứu văn hoá Việt Nam, tập I, Tái bản.	Nguyễn Văn Huyền	Khoa học xã hội, Hà Nội	1995	05	Cơ sở văn hóa Việt Nam
9	Hành chính nhà nước và công nghệ hành chính	Học viện Hành chính	NXBKHKHT Hà Nội	2009	15	Soạn thảo văn bản
10	Campus 1 & 2	Jacky Girardet & Jacques Téchreur	CLE International, Paris	2006	10	Tiếng Pháp 1,2,3,4
11	GT Thẻ đục nhào lộn	Trương Văn Bá; Ths Trịnh Hữu Lộc; Nguyễn Kế Bình	TĐTT	2005	20	Giáo dục thẻ chất 1
12	GT Bóng chuyền	Ths Huỳnh Đắc Tiến	TĐTT	2009	20	Giáo dục thẻ chất 3 (Bóng chuyền)
13	Học viện kỹ thuật quân sự			01		Giáo dục quốc phòng
14	Giáo trình lý thuyết và thực hành tin học văn phòng	Hoàng Đức Hải và Nguyễn Đình Tê	NXBLĐ-XH	2006	15	Tin học đại cương
15	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phạm Minh Hoàng, Chu Trọng Tuấn	Giáo dục Hà Nội	2007	06	Phương pháp nghiên cứu khoa học
16	Ship or Sheep, 3 <sup>rd</sup> Edition,	Ann Baker	CUP	2007	10	Luyện âm
17	English Phonetics and Phonology	Peter Roach	CUP	1991	10	Ngữ âm-Âm vị học
18	Grammar for FCE – Self-study Grammar Reference and Practice,	Hashemi L. & Thomas B.	Đồng Nai	2008	10	Ngữ pháp 1
19	Grammar for IELTS – Self-study Grammar Reference and Practice	Hashemi L. & Thomas B.	Đồng Nai	2008	10	Ngữ pháp 2
20	About Translation	Peter Newmark	Centre for Translation and Language Studies, University of Surrey	1991	10	-Lý thuyết dịch -Kỹ thuật dịch

21	A Practical Guide for Translators	Geoffrey Samuelson Brown	The Longdunn Press, Bristol.	1993	10	-Kỹ năng biên dịch -Kỹ năng phiên dịch
22	Semantics	Pragmatics James R. Hurford	CUP	2007	10	Ngữ nghĩa học
23	Introducing Sociolinguistics	Meyerhoff, Miriam	Taylor and Francis Group	2006	10	Ngôn Ngữ Xã hội học
24	Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ	Lê Quang Thiêm	NXBĐHQGHN	2004	10	Ngôn ngữ học đối chiếu
25	English Syntax. A Grammar for English Language Professionals	Jacobs, Roderick A.	OUP	1995	10	Cú pháp học
26	An introduction to Language	Fromkin, Rodman, Colins, Blair	Harcourt Brace Jovanovich Inc.	1990	10	Hình thái học
27	Pragmatics-A Reader	Steven David	OUP	1991	5	Ngữ dụng học
28	Discourse Analysis, Varieties and Methods,	Jason Glynos, David Howarth, Aletta Norval, Ewen Speed	University of Essex	2009	10	Phân tích diễn ngôn
29	Britain in Close-Up	McDowall, David	Pearson Education Ltd	2002	10	Đất nước học Anh
30	American Ways. A Guide for Foreigners in the United States	Althen, Gary.	Intercultural Press	2003	10	Đất nước học Mỹ
31	A History of English Literature	Alexandre, M	Palgrave Foundations, NY.	2000	10	Văn học Anh
32	Literature and Ourselves	Gloria M.H., Waller, S. & Bill, D.	Addition Wesley Educational Publishers Inc.	2001	10	Văn học Mỹ
33	Culture Shock! Vietnam	Claire Ellis	Graphic Arts Center Publishing Company	1998	5	Giao thoa văn hóa
34	Understanding Intercultural Communication.	Ting-Toomey, S., & Chung, L.C.	Los Angeles: Roxbury Publishing Company.	2005	10	Giao thoa văn hóa

35	Ready for PET	Roy Norris	MacMillan	2010	10	Tiếng Anh Tổng hợp B1-1,2,3
36	Ready for FCE	Roy Norris	MacMillan	2010	10	Tiếng Anh Tổng hợp B2-1,2,3
37	Ready for CAE	Roy Norris	MacMillan	2010	10	Tiếng Anh Tổng hợp C1-1,2,3
38	English for Travel and Entertainment	Thanh Mai	VHTT	2012	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Dịch vụ du lịch và lữ hành
39	English for Tourism	Ken McIntyre	Dili Institute of Technology	2013	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Dịch vụ du lịch và lữ hành
40	English for Hotel and Tourist Industry	Hoàng Nguyên	ĐHSP	2012	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Dịch vụ du lịch và lữ hành
41	English for Careers Tourism I	Walker, R. & Harding, K.	Oxford University Press	2010	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Văn hóa -Du lịch
42	English for Culture Centers	Vuong Hong	Hong Duc	2008	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Văn hóa -Du lịch
43	English Course for Tourism	Nguyen Quang	ĐHSPTPHCM	2013	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Văn hóa -Du lịch
44	English for Socializing	Hoàng Nguyên	ĐHSPTPHCM	2013	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Giao tiếp xã hội
45	English for Socializing	Dubicka, I. & O'keeffe, M.	OUP	2009	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Giao tiếp xã hội
46	English for Customer Care	Hoàng Nguyên	ĐHSPTPHCM	2009	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh chăm sóc khách hàng
47	English for Customer Care	Rosemary Richey	OUP	2008	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh chăm sóc khách hàng
48	English for Marketing and Advertising	Hoàng Nguyên	ĐHSPTPHCM	2013	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Tiếp thị-Quảng cáo
49	English for Marketing and Advertising	Sylee Gore	OUP	2007	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Tiếp thị-Quảng cáo
50	English for Business	Hoàng Nguyên	ĐHSPTPHCM	2014	5	Biên phiên dịch Tiếng Anh Thương mại
51	English for Business Studies	Ian MacKenzie	CUP	2010	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Thương mại
52	English Terminology of Aquaculture	Pacific Translation Office	Pacific Translation Office	2017	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Nuôi trồng Thủy-Hải sản

53	English for Aquaculture	DH Nha TRang	DH Nha Trang	2012	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Nuôi trồng Thủy-Hải sản
54	Food and Beverage Service (Waiter/Waitress)	HITT Programme (High Impact Tourism Training)	Netherlands Development Organisation	2014	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Thực phẩm
55	Food and Beverage Service	Bharathiar University	Frontline Institute of Hotel Management Studies	2008	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Thực phẩm
56	English for Meetings	Hoàng Nguyên	ĐHSPTPHCM	2013	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Hội nghị
57	English for Meetings	Kenneth Thomson	OUP	2007	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Hội nghị
58	Journalism 2.0-How to Survive and Thrive	Mark Briggs	Online Journalism Blog	2012	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Báo chí
59	English for Journalists	Wynford Hicks	Taylor & E Library, Routledge	2006	1	Biên phiên dịch Tiếng Anh Báo chí
60	English for Interviews	Hoàng Nguyên	ĐHSPTPHCM	2013	1	Kỹ năng phỏng vấn cho các vị trí biên phiên dịch
61	www. proz.com www. translatorscafe.com					Kỹ năng phỏng vấn cho các vị trí biên phiên dịch
62	Deliver better presentations, student learning development	<a href="https://le.ac.uk/">https://le.ac.uk/</a>	University of Leicester	1989	12	Kỹ năng thuyết trình



## **12. Hướng dẫn thực hiện chương trình.**

- Chương trình đại học Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Biên phiên dịch được soạn thảo theo Quyết định số 454/QĐ-ĐHPY, ngày 31/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học, cao đẳng và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng.

- Chương trình này được phát triển theo Chương trình đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh trình độ đại học theo Công văn số 8436/BGDĐT-GDDH ngày 22/11/2013 về việc Giới thiệu các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong khuôn khổ Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 v/v ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Chương trình được xây dựng trên cơ sở Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Chương trình được xây dựng trên cơ sở Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 v/v ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và trên cơ sở khảo sát nhu cầu của Nhà trường qua các đợt tư vấn tuyển sinh hằng năm.

- Chương trình có 134 tín chỉ (chưa tính 3 tín chỉ Giáo dục thể chất và 8 tín chỉ Giáo dục Quốc phòng – an ninh) với 105 tín chỉ bắt buộc và 29 tín chỉ tự chọn.

- Việc đánh giá kết quả người học, học theo tiến độ nhanh, tiến độ chậm; học cùng lúc hai chương trình; chuyển trường; xét tốt nghiệp... của chương trình Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Biên phiên dịch được thực hiện theo Quyết định số 397/QĐ-ĐHPY ngày 03 tháng 8 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Danh mục và khối lượng các học phần quy định tại mục 7 gồm 2 phần: Những học phần bắt buộc sinh viên phải thực hiện; Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình.

- Mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo (mục 7) đều có đề cương chi tiết học phần (kể cả các học phần tự chọn). Trong đề cương chi tiết các học phần có nêu rõ nội dung trọng tâm, những giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo để sinh viên có thể lựa chọn và chuẩn bị để học tập.

- Chương trình đào tạo thiết kế cho 8 học kỳ chính. Ngoài 8 học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm các học kỳ phụ vào thời gian hè để sinh viên có điều kiện học lại; học cải thiện điểm; học bù hoặc học vượt.

- Kế hoạch đào tạo cho các học kỳ được xây dựng trong mục 8 chỉ có tính chất định hướng (dự kiến). Trên cơ sở khung thời gian, chương trình đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ do nhà trường quy định, sinh viên sẽ đăng ký học các học phần bắt buộc và tự chọn riêng cho mình, xây dựng cho mình một kế hoạch học tập theo sự tư vấn của cố vấn học tập. Việc đăng ký các học phần từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần.

- Lưu ý về khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định tại Quy chế học vụ như sau:

+ 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

+ 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

+ Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

+ Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

- Mục tiêu đào tạo ngành học đòi hỏi trang bị đầy đủ các kiến thức chuyên ngành và quan tâm đến việc đổi mới phương pháp dạy-học; do đó, cần phải trang bị đủ các phương tiện, thiết bị hỗ trợ việc dạy học ngoại ngữ như mạng Internet, phòng học chuyên dụng với đầy đủ thiết bị nghe nhìn, số đầu sách giáo trình, sách tham khảo và được khai thác sử dụng hiệu quả tối đa.

- Những lưu ý của chương trình đào tạo về việc chia nhóm thực hành, thực tập, ghép lớp. Chương trình được thiết kế theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát huy năng lực tự chủ và tính sáng tạo của người học.

- Những vấn đề cần chú ý có tính đặc thù trong việc thực hiện chương trình: Chương trình được thiết kế và xây dựng phù hợp với việc đổi mới phương pháp dạy - học: giảm thời lượng lên lớp nhưng tăng thời lượng tự học, tự nghiên cứu; giảm thời lượng giảng lý thuyết, tăng thời lượng cho thảo luận và thực hành. Vì thế, trong quá trình giảng dạy, giáo viên cần:

+ Đổi mới phương pháp theo quan điểm giao tiếp và tăng cường cung cấp tài liệu tham khảo cho người học;

+ Tận dụng các phương tiện kỹ thuật để nâng cao hiệu quả giảng dạy, tăng cường việc tổ chức hoạt động ngoại khóa, tham quan thực tế giao lưu với các tổ chức có sử dụng tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành đào tạo để tăng cường việc sử dụng tiếng Anh;

+ Hướng dẫn cho người học tự học với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, Internet để nâng cao kỹ năng thực hành tiếng;

+ Tối ưu hoá phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá tiên tiến phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ để đảm bảo được mục tiêu đào tạo;

+ Tổ chức các hoạt động như seminar, hội thảo chuyên đề, case study song song với các hoạt động giảng dạy truyền thống;

+ Tận dụng mọi cơ hội để người học được thực hành các kỹ năng ngôn ngữ;

+ Lựa chọn giáo trình và học liệu giảng dạy phù hợp để đảm bảo cho người học đạt được những chuẩn kiến thức nhất định ở từng giai đoạn.

- Chỉ những sinh viên đủ điều kiện thực hiện khóa luận tốt nghiệp theo quy định của trường mới được đăng ký học phần “Khóa luận tốt nghiệp”. Sinh viên không thực hiện khóa luận phải đăng ký học các học phần thay thế với số lượng 7 tín chỉ.

  
KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TS. Nguyễn Định